TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÁI BÈ** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Quyết định số: 130/2017/QĐST-HNGĐ
Ngày: 09-8-2017
V/v tranh chấp "Xin ly hôn"

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ TẠI PHIÊN TÒA

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Thanh Vũ**
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông **Đỗ Duy Hừng**
2. Ông **Lý Minh Hùng**

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông **Trần Đình Chưởng** là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.
- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang*** *không tham gia phiên toà*.

Ngày 09 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 394/2017/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2017 về "tranh chấp xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 135/2017/QĐXX-ST ngày 27 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:
1. Nguyên đơn: Chị **Tôn Thị Tuyết N** sinh năm: 1997
Địa chỉ: ấp X, xã Y, huyện C, tỉnh Tiền Giang
2. Bị đơn: Anh **Dương Anh K** sinh năm: 1988
Địa chỉ: ấp X, xã Y, huyện C, tỉnh Tiền Giang

(Chị N, anh K có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 07 tháng 6 năm 2017 nguyên đơn là chị Tôn Thị Tuyết N trình bày: Chị và anh Dương Anh K tự nguyện xác lập quan hệ vợ chồng với nhau vào năm 2015, có đăng ký kết hôn. Vợ chồng chị sống hạnh phúc đến tháng 12 năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh K thường uống rượu bia về có lời lẽ xúc phạm chị và cha mẹ chị. Đến tháng 5 năm 2017 chị và anh K không còn chung sống với nhau. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh K. Về con chung: vợ chồng có 01 con chung tên Dương Tuấn K, sinh ngày 01 tháng 5 năm 2016 hiện đang sống với chị, ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi 01 con chung, yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 700.000 đồng đến khi con chung đủ 18 tuổi. Về tài sản chung: có 10 chỉ vàng 24k (gồm: 01 đôi bông tai 01 chỉ vàng 24k, 01 sợi dây chuyền 05 chỉ vàng 24k,

01 lắc tay 04 chỉ vàng 24k) cha mẹ chồng cho vợ chồng chị khi tổ chức lễ cưới, chị yêu cầu chia đôi tài sản chung. Về nợ chung: không có. Đến ngày 27 tháng 7 năm 2017 chị N có đơn xin rút yêu cầu chia tài sản chung.

Tại bản tự khai không ghi ngày tháng năm, biên bản hòa giải ngày 27 tháng 7 năm 2017 bị đơn là anh Dương Anh K trình bày: Anh thống nhất với chị N về thời gian kết hôn, thời gian xảy ra mâu thuẫn và con chung. Nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn là do anh chị bất đồng quan điểm với nhau, anh và chị N không có sống ly thân với nhau. Anh xác định vẫn còn tình cảm với chị N nên không đồng ý ly hôn. Về con chung: nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn thì anh đồng ý để chị N nuôi con và đồng ý cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu chị N. Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa chị Tôn Thị Tuyết N và anh Dương Anh K thuận tình ly hôn và thỏa thuận được với nhau cụ thể như sau:

Về con chung: chị N và anh K thỏa thuận để chị N tiếp tục nuôi 01 con chung tên Dương Tuấn K sinh ngày 01 tháng 5 năm 2016.

Về cấp dưỡng nuôi con: chị N và anh K thỏa thuận anh K cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 700.000 đồng đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chị N và anh K thỏa thuận được với nhau về mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng trước khi mở phiên tòa và có yêu cầu Tòa án ghi nhận trong bản án.

Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xét thấy việc thỏa thuận giải quyết vụ án giữa chị Tôn Thị Tuyết N và anh Dương Anh K là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Căn cứ vào Điều 55, 57, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; khoản 2 Điều 244, Điều 246 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

QUYẾT ĐỊNH:

Công nhận sự thỏa thuận giữa chị Tôn Thị Tuyết N và anh Dương Anh K như sau:

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Tôn Thị Tuyết N và anh Dương Anh K.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung tên Dương Tuấn K sinh ngày 01 tháng 5 năm 2016 cho chị Tôn Thị Tuyết N trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: anh K cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 700.000 đồng đến khi con chung đủ 18 tuổi. Bắt đầu thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con từ ngày 01 tháng 9 năm 2017.

Anh K được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Nếu anh K lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì chị N có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con chung đối với anh K.

Kể từ ngày chị Tôn Thị Tuyết N có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh Dương Anh K chậm thi hành đối với số tiền cấp dưỡng nuôi con trên thì còn

phải chịu thêm khoản lãi của số tiền và thời gian chậm thi hành án theo quy định tại điều 357 và điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về tài sản chung: đình chỉ xét xử đối với việc chị Tôn Thị Tuyết N rút yêu cầu chia tài sản chung.

4. Về nợ chung: không có

5. Về án phí:

- Chị Tôn Thị Tuyết N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 06978 ngày 07 tháng 6 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C; chị N đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

- Chị Tôn Thị Tuyết N không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm về chia tài sản chung khi ly hôn, hoàn trả lại cho chị N 400.000 đồng (bốn trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm về chia tài sản chung khi ly hôn đã nộp theo theo biên lai thu số 06978 ngày 07 tháng 6 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C.

- Anh Dương Anh K phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con là 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng).

Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cái Bè;
- Chi cục THADS huyện Cái Bè;
- Các đương sự;
- Ủy ban nhân dân xã Y;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thanh Vũ